

Số: 58 /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 323/TTr-SXD ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng.

Điều 1. Thay đổi, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại Điều 3 của Quyết định, điểm a khoản 3 Điều 10, tên khoản 5 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

2. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm a khoản 1 Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

3. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

4. Thay thế cụm từ “tại các phường thuộc thị xã Sa Pa” bằng cụm từ “tại phường Sa Pa” tại điểm a khoản 1 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 11 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

5. Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

6. Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 8, điểm đ khoản 5 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“a) Sở Tài chính chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh theo Biểu mẫu số 12; Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các loại dự án bất động sản theo Biểu mẫu số 13; đất ở để đấu giá và tình hình đấu giá đất ở của các dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng khu nhà ở để đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở theo Biểu mẫu số 15;”

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy chế phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Lào Cai.

a) Thay thế cụm từ “Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Tài chính”; “các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường”; Bỏ cụm từ “Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh” tại Điều 3 của Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính” tại điểm a khoản 2 Điều 5; “Sở Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Sở Khoa học và Công nghệ” tại khoản 2 Điều 4 và khoản 4 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

c) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 3 Điều 4, điểm g khoản 2 Điều 5 và tên khoản 1, khoản 5 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

d) Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định; Bãi bỏ cụm từ “Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh” tại điểm đ khoản 2 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 3. Sửa đổi một số Điều của Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà công vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“2. Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện quản lý vận hành nhà ở công vụ thuộc địa giới hành chính do mình quản lý”.

2. Thay thế một số cụm từ của Quyết định như sau:

a) Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại Điều 3 Quyết định, điểm a khoản 1, tên khoản 2 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng” bằng cụm từ “Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị hoặc phòng Kinh tế” tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng

1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công và dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.”.

b) Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng đối với dự án quy định tại điểm khoản 2 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP được đầu tư xây dựng

trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ dự án do Thủ tướng Chính phủ giao và dự án quy định tại các điểm a, c, d, đ, e khoản 4 Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

c) Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6 Thẩm quyền thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP được đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh, trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án do Thủ tướng Chính phủ giao và các dự án quy định tại điểm a, c, d, đ, e khoản 3 Điều 44 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

d) Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV và nhà ở riêng lẻ trên địa bàn do mình quản lý, trừ công trình quy định tại điểm b khoản này;”.

đ) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Đối với công trình nhà ở riêng lẻ và công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ có công trình cấp III, cấp IV nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên: Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện. Trong đó, chủ đầu tư (người đề nghị cấp phép xây dựng) được chọn một trong các Ủy ban nhân dân xã, phường nêu trên để trình hồ sơ xin cấp phép xây dựng. Ủy ban nhân dân xã, phường tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm thống nhất bằng văn bản với Ủy ban nhân dân các xã, phường còn lại về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo quy định, trước khi tiến hành cấp giấy phép xây dựng.”.

e) Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh kiểm tra các loại công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý theo quy định của pháp luật trừ các công trình quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các loại công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.”.

g) Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp II, cấp III trên địa bàn.”.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng

a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 3 của Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “đơn vị hành chính cấp huyện” bằng cụm từ “đơn vị hành chính cấp xã” tại khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

c) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

d) Thay thế cụm từ “tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp huyện)” bằng cụm từ “tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định là Cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) tại khoản 3 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

đ) Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn về xây dựng” bằng cụm từ “cơ quan chủ trì thẩm định” tại khoản 5 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

e) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

g) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

Điều 5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung cụ thể về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị và nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Lào Cai (được sửa đổi, bãi bỏ năm 2019)

1. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố Lào Cai” bằng cụm từ “các xã, phường” tại Điều 3 Quyết định.

2. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 3; khoản 2 và khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 5 Điều 5; khoản 1 Điều 6; khoản 2 Điều 10; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 20, điểm a khoản 3 Điều 22, Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 31; điểm b khoản 3 Điều 31, điểm a khoản 1 Điều 34; điểm b, c khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 38; khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 40;

điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 42, khoản 4 Điều 44 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

3. Thay thế cụm từ “Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng cấp huyện” bằng cụm từ “phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị hoặc phòng Kinh tế cấp xã” tại khoản 1, khoản 3 Điều 4; Điều 10; điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 38, khoản 2 Điều 40 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

4. Thay thế cụm từ “Phòng Quản lý đô thị hoặc phòng Kinh tế - Hạ tầng” bằng cụm từ “phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị hoặc phòng Kinh tế” tại khoản 2 Điều 4; điểm c khoản 3 Điều 38; điểm a khoản 2 Điều 40 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

5. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi Trường” tại điểm a khoản 3 Điều 14 và Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

6. Thay thế cụm từ “trên địa bàn huyện” bằng cụm từ “trên địa bàn xã, phường” tại điểm a khoản 1 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

7. Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại khoản 2 Điều 30, điểm c khoản 1 Điều 42 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

8. Bãi bỏ cụm từ “hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền” tại điểm b khoản 5 Điều 5.

9. Bãi bỏ cụm từ “và Sở Giao thông vận tải” tại khoản 1 Điều 6.

10. Bãi bỏ cụm từ “Sở Giao thông vận tải” tại điểm a khoản 2 Điều 15.

11. Bãi bỏ cụm từ “01 (một) bản cho UBND cấp huyện” tại điểm b khoản 5 Điều 5.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định một số nội dung cụ thể về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi bổ sung điểm c, điểm d khoản 3 Điều 18 như sau:

“c) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, nguồn vốn đầu tư phát triển cây xanh đô thị và khuyến khích xã hội hóa đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, cây xanh;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách tập trung theo kế hoạch 05 năm, hàng năm về đầu tư phát triển cây xanh đô thị sử dụng công cộng của địa phương.”.

2. Sửa đổi tên và bổ sung khoản 10, khoản 11 vào Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban Quản lý khu Kinh tế và các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý cây xanh đô thị”

b) Bổ sung khoản 10, khoản 11 vào sau khoản 9 Điều 19 như sau:

“10. Tuyên truyền vận động, kiểm tra các khu dân cư, tổ dân phố, nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ cây xanh đô thị, xã hội hóa phát triển cây xanh đô thị và thực hiện giám sát trên địa bàn.

11. Đối với các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị:

a) Lập kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện về trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ hệ thống cây xanh đô thị theo nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng đã ký với cơ quan chức năng;

b) Nghiên cứu, đề xuất về chủng loại cây, hoa mới có giá trị thẩm mỹ, phù hợp quy hoạch xây dựng, đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu để sử dụng trồng trên địa bàn được giao quản lý;

c) Thực hiện theo nội dung quy định tại các Điều 7, 8, 9, 15, 16 bản Quy định này.”.

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, Điều của Quyết định

a) Thay thế cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại Điều 3 của Quyết định; cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 23 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định, Phụ lục I, II ban hành kèm theo Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 2, Điều 7, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10, Điều 13, Điều 15, điểm b, đ khoản 1 Điều 18;

c) Thay thế cụm từ “phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường” tại khoản 3 Điều 14, khoản 1 Điều 15, tên khoản 1 Điều 20 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định; cụm từ “phường hoặc thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường” tại khoản 7 Điều 2, cụm từ “phường (thị trấn)” bằng cụm từ “phường, xã” tại phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Quyết định; cụm từ “tổ nhân dân” bằng cụm từ “tổ dân phố” tại khoản 3 Điều 14;

d) Thay thế cụm từ “Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị (gọi chung là Phòng Kinh tế - Hạ tầng)” và cụm từ “Phòng Kinh tế - Hạ tầng” bằng cụm từ “phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị hoặc phòng Kinh tế” tại điểm a khoản 2 Điều 13; cụm từ “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm b khoản 1, tên khoản 4 Điều 18;

đ) Bãi bỏ cụm từ “cán bộ” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15;

e) Bỏ cụm từ “thông báo UBND phường hoặc thị trấn (có liên quan) để giám sát thực hiện” tại khoản 7 Điều 2; bãi bỏ cụm từ huyện (thành phố) tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Quyết định;

g) Bãi bỏ khoản 2 Điều 18, Điều 20 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định phân cấp việc tiếp nhận bàn giao quản lý trong các khu đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp nhận bàn giao quản lý trong khu đô thị được đầu tư trên địa bàn xã, phường quản lý.”.

2. Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại điểm b khoản 2 Điều 1, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 3; cụm từ “đơn vị hành chính cấp huyện” bằng cụm từ “đơn vị hành chính cấp xã” tại điểm b khoản 1 Điều 3; cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm c khoản 1 Điều 3, khoản 3 Điều 5.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

a) Đường huyện, đường đô thị, đường xã, đường thôn (trừ các tuyến, đoạn tuyến được quy định tại khoản 2 Điều này);

b) Đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ;

c) Các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.”.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản tại một số Điều của Quyết định

a) Thay thế cụm từ “Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Xây dựng” tại Điều 3 của Quyết định và khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 4, khoản 1, khoản 3 Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định;

c) Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” tại Điều 3 Quyết định;

d) Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại Điều 3 Quyết định, khoản 3 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

e) Bãi bỏ khoản 2 Điều 2, khoản 4 Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai (được sửa đổi, bổ sung năm 2025)

1. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 3 của Quyết định.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định như sau:

a) Thay thế cụm từ “huyện Si Ma Cai” bằng cụm từ “xã Si Ma Cai” tại điểm b khoản 2 Điều 3, khoản 2 Phụ lục III; cụm từ “tại địa bàn các huyện” bằng cụm từ “tại địa bàn các xã, phường” tại khoản 1 Điều 4; cụm từ “tại địa bàn cấp huyện” bằng cụm từ “tại địa bàn cấp xã”; cụm từ “trung tâm các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “trung tâm các xã, phường” tại phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định;

b) Thay thế cụm từ “phòng chuyên môn cấp huyện” bằng cụm từ “phòng chuyên môn cấp xã” tại điểm d khoản 3 Điều 4;

c) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại khoản 2 Điều 7;

d) Sửa đổi, bổ sung bảng 1-1 tại phụ lục III như sau:

Số TT	Địa bàn	Hệ số điều chỉnh (Kv)
1	02 phường: Lào Cai, Cam Đường + 02 xã: Cốc San, Hợp Thành	1,016
2	06 xã: Bắc Hà, Cốc Lầu, Bảo Nhai, Bản Liễn, Tả Củ Tỷ, Lũng Phình	1,023
3	05 xã: Bảo Thắng, Phong Hải, Xuân Quang, Tầng Loong, Gia Phú	1,009
4	07 xã: Bát Xát, Mường Hum, Dền Sáng, Y Tý, A Mú Sung, Trịnh Tường, Bản Xèo	1,007
5	06 xã: Bảo Yên, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Xuân Hòa, Phúc Khánh, Bảo Hà	1,000

6	04 xã: Mường Khương, Pha Long, Bản Lầu, Cao Sơn	1,027
7	02 xã: Si Ma Cai, Sín Chéng	1,040
8	01 phường Sa Pa + 05 xã Tả Phìn, Tả Van, Bản Hồ, Mường Bo, Ngũ Chỉ Sơn	1,055
9	08 xã: Văn Bàn, Võ Lao, Khánh Yên, Dương Quý, Chiềng Ken, Minh Lương, Nậm Chày, Nậm Xé	1,005

đ) Sửa đổi, bổ sung thuyết minh đối với hệ số Kcl tại mục 2 phụ lục III như sau:

“Kcl: Hệ số điều chỉnh theo cự ly từ trung tâm của các xã (Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát, Bảo Yên, Mường Khương, Si Ma Cai, Văn Bàn), phường (Lào Cai, Sa Pa) đến vị trí dự án, công trình cần tính tại Bảng 1-2.”.

e) Thay thế cụm từ “Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại khoản 3 điều 3 của Quyết định số 45/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Lào Cai (được sửa đổi, bổ sung năm 2022)

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

“**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

2. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải - Xây dựng” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại Điều 5, Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định về quản lý phương tiện thủy thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người hoặc bè trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

“**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Quản lý Nhà nước đối với các phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 1 tấn hoặc có sức chở dưới 5 người (kể cả bè) hoạt động trên tuyến đường thủy nội địa trong phạm vi ranh giới hành chính được quản lý.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn; tổ chức, chỉ đạo chủ phương tiện kê khai phương tiện thủy nội địa thô sơ, định kỳ hằng năm báo cáo tình hình quản lý phương tiện tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng theo mẫu Phụ lục 2 (thực hiện trước ngày 31 tháng 12 hằng năm).

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; thường xuyên kiểm tra về điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa thô sơ, chịu trách nhiệm về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, giải quyết hậu quả các vụ tai nạn giao thông đường thủy nội địa đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ trên phạm vi địa giới hành chính được quản lý.”.

3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ của Quy định ban hành kèm theo Quyết định

a) Thay cụm từ “huyện, thành phố” bằng cụm từ “xã, phường” tại điểm a, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 9;

b) Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại tên khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 2 Điều 9, Điều 11;

c) Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại khoản 2, khoản 4 Điều 6; Điều 11 và phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định;

d) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại khoản 1 Điều 11;

đ) Bãi bỏ Điều 8.

Điều 12. Thay thế một số một số cụm từ của Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định mức tiêu hao nhiên liệu đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

1. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại khoản 2 Điều 3.

2. Thay thế cụm từ “các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” tại khoản 3 Điều 4.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Sửa đổi Điều 3 của Quyết định như sau:

“Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Xe thô sơ được hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn các xã, phường, trừ các tuyến đường cấm theo quy định và phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông của địa phương.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 3 như sau:

“a) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được hoạt động trên các tuyến đường theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.”;

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Trên địa bàn phường Sa Pa và xã Tả Van, xã Mường Bo, xã Tả Phìn, xã Ngũ Chỉ Sơn, xã Bản Hồ:

a) Vào mùa hè (bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 9 hằng năm): Thời gian hoạt động vận chuyển 24/24 giờ hằng ngày;

b) Vào mùa đông (bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau): Thời gian hoạt động vận chuyển từ 06 giờ đến 23 giờ hằng ngày.

2. Trên địa bàn các xã, phường còn lại thuộc tỉnh Lào Cai (trừ các xã, phường quy định tại điểm a khoản 1 Điều này):

Thời gian hoạt động vận chuyển 24/24 giờ hằng ngày đối với khu vực trong đô thị, từ 05 giờ đến 24 giờ hằng ngày tại khu vực ngoài đô thị.

3. Căn cứ thực tế địa phương (trong trường hợp đặc biệt) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ cho phù hợp.”.

d) Sửa đổi điểm a khoản 5 Điều 14 như sau:

“a) Chỉ đạo phòng chuyên môn của các xã, phường thực hiện công tác quản lý liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn;”;

đ) Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Sở Xây dựng” tại khoản 2 Điều 6; khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 14; khoản 3 Điều 16;

e) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường” tại Điều 12, tên Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 14, tên khoản 5 Điều 14;

g) Bãi bỏ cụm từ “thị trấn” tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 3.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Xử lý chuyên tiếp:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

b) Đối với các dự án đã có quyết định thu hồi đất, kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 14 QĐ;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Báo Lào Cai, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, các CV, XD1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường